TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2024/DS-ST.
Ngày: 15/5/2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Tuyền;

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa***: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khúc Thị N, sinh năm: 1958;

Thường trú: Số 92 L, phường Tân Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 10/10 hẻm T, tổ A, khu phố 2, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1962, thuộc Văn phòng Luật sư Minh T là luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

- Bị đơn: Ông Phạm Minh S, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Nhà không số, ấp A, tổ 11, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hoàng B, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: E20/9, ấp A, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 01 năm 2022, các bản tự khai và các lời khai tại Toà án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Khúc Thị N trình bày:*

Do có nhu cầu về xây dựng nhà ở và có quen biết trước đó với ông Phạm Minh S nên bà đã liên hệ ông Phạm Minh S để thuê ông Phạm Minh S xây dựng nhà ở cho bà. Do vậy, bà và ông Phạm Minh S đã ký kết Hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/5/2021 và Hợp đồng thi công xây dựng ngày 16/6/2021 (cả hai đều là hợp đồng viết tay). Theo thỏa thuận của hai hợp hợp đồng trên thì ông S nhận thi công, xây dựng trọn gói căn nhà có diện tích 4 x 16 = 64m^2 có kết cấu nhà cấp 4, tường gạch, mái tole, đúc giả suốt 12m tại thửa đất số 613, tờ bản đồ 65 tọa lạc tại xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, ông Phạm Minh S còn có trách nhiệm làm thủ tục xin giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng căn nhà và có trách nhiệm thi công phải đảm bảo kỹ thuật, mỹ thuật.

Trị giá hợp đồng: 590.000.000đ (*năm trăm chín mươi triệu đồng*).

Thời hạn thi công: 01 tháng (kể từ ngày 28/5/2021 đến ngày 28/6/2021).

Phương thức thanh toán: Tiền mặt (chia làm 03 đợt, Đợt 1: Sau khi ký hợp đồng, bên A ứng cho bên B số tiền: 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*); Đợt 2: Bên A giao tiếp cho bên B số tiền: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng)*; Đợt 3: Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền còn lại: 340.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*) sau khi bên B bàn giao nhà cho bên A.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trên, không bên nào được đơn phương hủy bỏ hợp đồng. Nếu bên nào vi phạm các cam kết trong hợp đồng sẽ phải bồi thường thiệt hại và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng, bà đã thực hiện đúng nghĩa vụ như cam kết là thanh toán cho ông Phạm Minh S tiền đợt 1 và đợt 2 với tổng số tiền là 250.000.000 đồng *(Hai trăm năm mươi triệu đồng)*, tuy nhiên, ông Phạm Minh S không chỉ vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ về thời gian giao nhà mà còn ngưng thi công như những gì đã thỏa thuận trong hợp đồng. Đặc biệt, còn ngang ngược, thách thức bà khởi kiện ra Tòa.

Do vậy, bà đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Hủy Hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/5/2021 và Hợp đồng thi công xây dựng ngày 16/6/2021;

2/ Buộc ông Phạm Minh S có nghĩa vụ hoàn trả ngay một lần số tiền đã nhận trong 02 đợt là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng)*

3/ Buộc ông S phải trả lãi trên số tiền đã nhận, tạm tính đến hết tháng 02 năm 2022 theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là 22.500.000 đồng

(*Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi là 272.500.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*);

4/ Buộc ông S phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hoàng B trình bày, ông là chủ sở hữu hợp pháp thửa đất số 613, tờ bản đồ 65 tọa lạc tại xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của pháp luật thì thửa đất của ông không đủ điều kiện tách thửa nhưng do ông cần tiền để trang trải cuộc sống gia đình nên ông đã bán một phần đất với diện tích là 4 x 16 = 64m^2 bằng giấy tờ tay cho bà Khúc Thị N. Đối với tranh chấp hợp đồng xây dựng giữa bà N và ông S, ông không liên quan nên không có ý kiến gì, ông cũng không có tranh chấp đối với thửa đất đã bán cho bà N. Do ông phải đi làm nên ông xin vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại các phiên xét xử của Tòa án.

Bị đơn ông Phạm Minh S: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa không ghi nhận được ý kiến trình bày.

Tại phiên toà hôm nay:

- Nguyên đơn - bà Khúc Thị N, cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Phạm Văn T có mặt và có yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Đối với các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xác nhận đã nộp đầy đủ, không còn tài liệu, chứng cứ gì khác để nộp cho Tòa.

Cụ thể, yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

1/ Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/5/2021 và Hợp đồng thi công xây dựng ngày 16/6/2021 (cả hai đều là hợp đồng viết tay) giữa bà và ông Phạm Minh S là vô hiệu do ông S không có tư cách pháp nhân khi ký hợp đồng xây dựng với bà.

2/ Yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu là buộc ông Phạm Minh S hoàn trả lại số tiền bà đã giao là 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng)*, tuy nhiên, vào khoảng tháng 01 năm 2024, bà không nhớ cụ thể thời gian, ông S có trả lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng)*. Mặc dù, bà không có nhu cầu sử dụng phần diện tích xây dựng mà ông S đã xây dựng nhưng bà xét thấy phần diện tích đã xây dựng trên cũng không thể thay đổi được nên bà đồng ý cấn trừ số tiền cho phí xây dựng theo Chứng thư Thẩm định giá ngày 22/8/2022 là 42.124.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng*). Do vậy, nay bà yêu cầu ông Phạm Minh S thanh toán một lần số tiền còn lại là 157.858.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng).*

3/ Không yêu cầu ông S phải thanh toán tiền lãi là 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

4/ Yêu cầu ông Phạm Minh S phải thanh toán cho bà số tiền chi phí Thẩm định giá trị xây dựng là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

5/ Yêu cầu ông Phạm Minh S phải chịu tiền lãi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, ông Phạm Minh S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Yêu cầu của bà Khúc Thị Nhậm là có cơ sở. Căn cứ Điều 122, Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015 và pháp luật về xây dựng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng, đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn xác minh số 560/TAHBC ngày 23/3/2022 và Công văn xác minh số 3348/TAHBC ngày 28/11/2023 thì ông Phạm Minh S có hộ khẩu thường trú tại: E1/29 ấp A, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông S thực tế cư trú tại địa chỉ: Nhà không số, ấp A, tổ B, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[1.2]. *Về thủ tục xét xử vắng mặt của đương sự*: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông Phạm Minh S như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập làm bản tự khai; Thông báo về phiên hòa giải và Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, ông Phạm Minh S không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không làm bản tự khai để trình bày ý kiến của ông về việc yêu cầu của bà Khúc Thị N. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng

mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Hoàng B có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không có ý kiến gì về tranh chấp giữa bà N và ông S, không có tranh chấp liên quan đến phần diện tích đất đã bán cho bà N. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. *Xét yêu cầu khởi kiện của bà Khúc Thị N về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/5/2021 và ngày 16/6/2021 là vô hiệu*:

Hội đồng xét xử xác định ngày 28/5/2021 và ngày 16/6/2021 giữa bà Khúc Thị N và ông Phạm Minh S có ký Hợp đồng thi công xây dựng;

Xét, căn cứ theo khoản 17 Điều 3 Luật xây dựng 2014 về giấy phép xây dựng, bà Khúc Thị N xây dựng nhà mà không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin phép (xin cấp giấy phép xây dựng), theo Điều 89 Luật Xây dựng 2014, trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp công trình được miễn giấy phép xây dựng, bà Khúc Thị N không thuộc trường hợp xây dựng nhà được miễn giấy phép xây dựng. Ông Phạm Minh S là cá nhân, không có tư cách pháp nhân để đứng ra ký kết hợp đồng xây dựng nhà ở nên Hợp đồng xây dựng giữa ông bà N và ông S không đáp ứng được các tiêu chí của một Hợp đồng xây dựng theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc các bên ký kết Hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/5/2021 và ngày 16/6/2021 là vi phạm quy định của Điều 117 Bộ luật dân sự vì không tuân thủ các điều kiện có hiệu lực được pháp luật quy định, do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định yêu cầu của bà Khúc Thị N về việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/5/2021 và ngày 16/6/2021 vô hiệu là phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.1]. *Xét yêu cầu của bà Khúc Thị N về giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu*:

Xét, ngày 28/5/2021 và ngày 16/6/2021 bà Khúc Thị N có giao cho ông Phạm Minh S tổng số tiền 02 đợt là 250.000.000 đồng (*hai trăm năm mươi triệu đồng*), cụ thể: Đợt 1 ngày 28/5/2021 là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*); Đợt 2 ngày 16/6/2021 là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Ngày 19/4/2024 bà N xác nhận, vào tháng 01/2024, không nhớ rõ ngày, ông S có thanh toán cho bà số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng)*.

Đối với phần móng nhà ông S đã xây dựng, bà N trình bày mặc dù bà N không có nhu cầu sử dụng phần diện tích xây dựng đó nhưng bà xét thấy việc xây dựng phần móng đã thực hiện xong, không thể thay đổi nên bà đồng ý cấn trừ số tiền cho phí xây dựng theo Chứng thư Thẩm định giá ngày 22/8/2022 là 42.124.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng*). Căn cứ theo Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2022 và Chứng thư Thẩm định giá

ngày 22/8/2022 thì thực tế ông Phạm Minh S có thực hiện việc xây dựng nhà như đã ký với bà Nhâm, tuy nhiên, ông S chỉ xây dựng xong phần móng nhà và ngừng thi công; giá trị phần móng nhà do ông S đã xây dựng có tổng chi phí là 42.124.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng*), lời khai của bà N phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được Tòa án thu thập.

Bà N yêu cầu ông S phải thanh toán một lần số tiền còn lại là 157.858.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng).*

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khúc Thị Nhâm, buộc bị đơn Phạm Minh S phải thanh toán một lần số tiền còn lại là 157.858.000 đồng(*Một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng)* cho phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà N trình bày, không yêu cầu ông S phải thanh toán số tiền lãi như trong đơn khởi kiện là 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*), việc bà N rút yêu cầu buộc ông S thanh toán tiền lãi là tự nguyện, do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông S phải thanh toán tiền lãi với số tiền là 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*) của bà Nhâm.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Khúc Thị N được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Minh S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Bà N yêu cầu ông S có trách nhiệm trả cho bà N số tiền chi phí Thẩm định giá là 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 , khoản 3 Điều 228; và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - bà Khúc Thị N.

- Tuyên bố Hợp đồng thi công xây dựng ngày 28/5/2021 và Hợp đồng thi công xây dựng ngày 16/6/2021 giữa bà Khúc Thị N và ông Phạm Minh S là vô hiệu;

- Buộc ông Phạm Minh S có nghĩa vụ hoàn trả một lần cho bà Khúc Thị N số tiền là 157.858.000 đồng (*Một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn đồng);*

- Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Khúc Thị N buộc ông Phạm Minh S phải trả lãi với số tiền là 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng*).

[2]. Về nghĩa vụ thi hành án: Ông Phạm Minh S phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3]. Về án phí:

- Ông Phạm Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.892.900 đồng (*Bảy triệu tám trăm chín mươi hai nghìn chín trăm đồng*)

- Bà Khúc Thị N không phải chịu án phí do thuộc diện được miễn tạm ứng án phí đối với đối tượng người cao tuổi theo quy định tại Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

[4]. Về chi phí tố tụng khác:

- Ông Phạm Minh S có trách nhiệm trả cho bà Khúc Thị N số tiền chi phí Thẩm định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 21.000.000 đồng *(Hai mươi mốt triệu đồng*).

[5] . Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận
- TAND TPHCM;
- VKSND huyện B;
- CC THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Trang